

Bản án số: 89/2023/DS-ST
Ngày: 23/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính T. Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị S, quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y, sinh năm 1966, chức vụ: Tổng giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông A, địa chỉ: Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị S, quận 3, Thành phố H, chức vụ: Giám đốc điều hành cấp cao bộ phận thẩm định và quản lý công nợ (Văn bản ủy quyền số

14/2020/UQ-JIVF ngày 06/10/2020 của Tổng giám đốc JIVF), vắng mặt.

- Ông Đỗ Việt T, địa chỉ: Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị S, quận 3, Thành phố H, chức vụ: Nhân viên quản lý công nợ - JIVF (Văn bản ủy quyền số 37/2022/UQLM-JIVF ngày 18/4/2022), có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 2001, địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Đỗ Việt T trình bày:

Ngày 02/7/2021, bà Nguyễn Thị Hồng V ký Hợp đồng tín dụng số 16020001893585000 với Công ty tài chính T để vay số tiền 41.192.000 đồng mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng tại quầy tư vấn cửa hàng Tài Vân có địa chỉ tại Khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 4.1772%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà V có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng bà V phải thanh toán số tiền 2.762.894 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 02/8/2021.

Từ sau ngày 02/8/2021 đến nay bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi được khoản tiền nào và cố tình lẩn tránh. Tính đến ngày 23/3/2023, bà V còn nợ JIVF số tiền là 64.931.513 đồng (trong đó nợ gốc 41.192.000 đồng, lãi trong hạn 21.892.694 đồng, lãi quá hạn 1.702.819 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng).

Nay Công ty tài chính T khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán số tiền tính đến ngày 23/3/2023 là 64.931.513 đồng (trong đó nợ gốc 41.192.000 đồng, lãi trong hạn 21.892.694 đồng, lãi quá hạn 1.702.819 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng); tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 24/3/2023 cho đến khi bà V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà V đến làm việc về yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính T nhưng bà V vắng mặt không lý do nên Tòa án không lấy lời khai bà V được.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được do bà V vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện Công ty tài chính T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Công ty tài chính T với bà V trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Bà V đã vi phạm hợp đồng nên Công ty tài chính T khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính T, buộc bà V thanh toán cho Công ty tài chính T số tiền tính đến ngày 23/3/2023 là 64.931.513 đồng (trong đó nợ gốc 41.192.000 đồng, lãi trong hạn 21.892.694 đồng, lãi quá hạn 1.702.819 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng); tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 24/3/2023 cho đến khi bà V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ theo hợp đồng, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng tín dụng số 16020001893585000 ngày 02/7/2021 được ký kết giữa Công ty tài chính T với bà Nguyễn Thị Hồng V trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Theo đại diện nguyên đơn là ông Đỗ Việt T trình bày quá trình thực hiện hợp đồng, từ sau ngày 02/8/2021 đến nay bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính T nợ gốc và lãi được khoản tiền nào. Tính đến ngày 23/3/2023, bà V còn nợ số tiền là 64.931.513 đồng (trong đó nợ gốc 41.192.000 đồng, lãi trong hạn 21.892.694 đồng, lãi quá hạn 1.702.819 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng).

Công ty tài chính T yêu cầu bà V thanh toán số tiền tính đến ngày 23/3/2023 là 64.931.513 đồng (trong đó nợ gốc 41.192.000 đồng, lãi trong hạn 21.892.694 đồng, lãi quá hạn 1.702.819 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng); tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 24/3/2023 cho đến khi bà V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Bà V đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo thỏa thuận hợp đồng, do đó Công ty tài chính T khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ. Xét buộc bà V có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính T số tiền tính đến ngày 23/3/2023 là 64.931.513 đồng (trong đó nợ gốc 41.192.000 đồng, lãi trong hạn 21.892.694 đồng, lãi quá hạn 1.702.819 đồng, phí quản lý khoản vay 144.000 đồng); tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 24/3/2023 cho đến khi bà V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty tài chính T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính T.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính T số tiền tính đến ngày 23/3/2023 là 64.931.513 đồng (Sáu mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi một ngàn, năm trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc 41.192.000 đồng (Bốn mươi một triệu, một trăm chín mươi hai ngàn đồng), lãi trong hạn 21.892.694 đồng (Hai mươi một triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn, sáu trăm chín mươi bốn đồng), lãi quá hạn 1.702.819 đồng (Một triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, tám trăm mười chín đồng), phí quản lý khoản vay 144.000 đồng (Một trăm, bốn mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/3/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.246.500 đồng (Ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

Công ty tài chính T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty tài chính T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.310.000 đồng (Một triệu ba trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003674 ngày 21/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng

